TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST Ngày: 19 – 01 – 2021 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phu;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 631/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 670/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Đặng Thị Bích Tr vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 27/10/2020 của bà Đặng Thị Bích Tr; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông H tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn LB, huyện AP, An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 391/TLKH-BS ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân thị trấn LB, huyện AP).

Sau khi kết hôn bà Tr và ông H đi làm ăn ở xa, đến năm 2018 thì vợ chồng về chung

sống với gia đình ông H. Do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên bà Tr và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2019 thì bà Tr và ông H sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Tr và ông H sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Đặng Anh A, sinh ngày 22/3/2018. Hiện con chung đang sinh sống cùng ông H. Khi ly hôn bà Tr đồng ý giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/11/2020 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, ông H cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 19/11/2020, bà Tr có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Tr giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 27/10/2020; bản sao Trích lục kết hôn số 391/TLKH-BS ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân thị trấn LB, huyện AP; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Đặng Anh A, sinh ngày 22/3/2018; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Châu Ngọc T; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị Bích Tr.

Tài liệu, chứng cứ do ông H giao nộp: Không.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Châu Thị Kh và bà Nguyễn Thị Cẩm L cùng ngày 19/11/2020; biên bản xác minh ngày 23/11/2020.

Tại phiên tòa, do bà Tr và ông H cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Tr, biên bản lấy lời khai người làm chứng, biên bản xác minh tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19/11/2020, bà Châu Thị Kh cho biết: Bà Kh là mẹ ruột của ông H. Bà Tr và ông H trước đây chung sống cùng bà Kh nên biết rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông H. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân của hai người là do tự quen biết nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì ông H và bà Tr đi làm ăn xa. Đến năm 2018, sau khi sinh con thì về chung sống với bà. Thời gian này bà Tr và ông H thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà Tr lại có thái độ thiếu tôn trọng bà. Bà Tr và ông H sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không hàn gắn tình cảm. Theo bà Khén thì ông H cũng muốn ly hôn với với bà Tr nhưng do đi làm ăn xa nên không về được. Bà Kh mong muốn Tòa án giải quyết sớm cho bà Tr và ông H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Có 01 con chung hiện đang sống với ông H như bà Tr trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa và sức khỏe yếu nên bà Kh yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19/11/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm L cho biết: Bà Loan là em ruột của ông H. Bà Tr và ông H trước đây chung sống cùng với gia đình, cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Phía ông H cũng không có ý định hàn gắn tình cảm với bà Tr nên mong Tòa án sớm giải quyết cho hai người được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì thống nhất theo lời trình bày của bà Tr.

Do nhà xa và bận công việc làm ăn nên bà L yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 23/11/2020, đại diện Ban ấp TK, thị trấn LB, huyện AP cho biết: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 10, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông H thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông H vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Tr có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Kh và bà L đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Tr và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Tr và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng để ông H được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh H đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích Tr có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Châu Thị Kh và bà Nguyễn Thị Cẩm L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Tr và ông H được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, yêu thương và được gia đình đồng ý cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Bà Tr và ông H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn LB, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 02/8/2018 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 391/TLKH-BS ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân thị trấn LB, huyện AP). Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr cho rằng, quá trình chung sống, bà Tr và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp. Bản thân bà Tr cũng sống không hòa hợp với gia đình ông H. Đến năm 2019 thì bà Tr và ông H sống ly thân nhau, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông H. Những mâu thuẫn mà bà Tr trình bày được bà Kh là mẹ ruột của ông H và bà L là em ruột của ông H cùng xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19/11/2020.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Tr và ông H lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc bà Tr và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã khuyên nhủ, động viên nhưng đời sống hôn nhân cũng không được cải thiện, sau đó cả 02 sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thế nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Tr và ông H sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Đặng Anh A, sinh ngày 22/3/2018. Hiện con chung đang sinh sống cùng ông H.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con cũng như sự tự nguyện của bà Tr giao con cho ông H nuôi, xét thấy từ lúc bà Tr và ông H ly thân nhau thì cháu Anh sống với ông H. Quá trình chăm sóc đã tạo sự gắn bó tình cảm giữa cháu Anh và ông H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để ông H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Đặng Anh A, sinh ngày 22/3/2018.

Bà Tr yêu cầu không cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà Tr về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà Tr vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, trong quá trình ông H trực tiếp nuôi con thì ông H có quyền yêu cầu bà Tr cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Tr cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông H. Ngược lại, ông H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông H có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Tr và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích Tr được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Đặng Anh A, sinh ngày 22/3/2018. Bà Đặng Thị Bích Tr không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Đặng Thị Bích Tr cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Nguyễn Thanh H. Ngược lại, ông Nguyễn Thanh H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Đặng Thị Bích Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Đặng Thị Bích Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Tr đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004880 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Đặng Thị Bích Tr và ông Nguyễn Thanh H. Bà Tr và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Đặng Thị Bích Tr và ông Nguyễn Thanh H (theo bản sao Trích lục kết hôn số 391/TLKH-BS ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân thị trấn LB, huyện AP) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND thị trấn LB,
huyện An Phú (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuân